

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà TTLH, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 5 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông TQH, sinh năm 1967; nơi cư trú cuối cùng: Số 5 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà TTLH có đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Bà và ông TQH chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1991 và có với nhau hai con chung là D, sinh năm 1992 và E, sinh năm 1997 (anh E đã chết năm 2015). Quá trình chung sống ông bà không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng tính cách, quan điểm sống, ông TQH thường xuyên đánh bà vì bà là trẻ mồ côi, không nhà, không cửa, không có họ

hàng thân thích để bảo vệ. Năm 2016 bà và ông TQH về ở nhờ nhà con gái là D tại địa chỉ số 5 A, B, C, Hải Phòng, bà đã có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này còn ông TQH chỉ được tạm trú. Đến năm 2018 do mâu thuẫn với con gái, ông TQH bỏ nhà ra đi. Bà và con gái đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm ông TQH ở nhiều nơi cũng như trực tiếp làm thủ tục đăng báo tìm kiếm ông TQH trên Báo Hải Phòng nhưng cũng không có kết quả. Bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết tuyên bố ông TQH mất tích. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã có Quyết định số 01/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 tuyên bố ông TQH, sinh năm 1967; nơi cư trú cuối cùng tại: Số 5 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng mất tích. Quyết định này đến nay đã có hiệu lực pháp luật nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông TQH.

Về con chung: Bà và ông TQH có hai con chung là D, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1992 và E, sinh năm 1997 (đã chết năm 2015). Do con D đã trưởng thành có gia đình và thu nhập riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là ông TQH đã bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 do đó không thể lấy được ý kiến của ông TQH.

Tại phiên tòa bà TTLH có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử không công nhận bà TTLH và ông TQH là vợ chồng. Về con chung: Ông bà có hai con chung là D, sinh

ngày 04 tháng 3 năm 1992 và E, sinh năm 1997 (đã chết năm 2015). Do con D đã trưởng thành có gia đình và thu nhập riêng nên bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông TQH bị tuyên bố mất tích nên chưa lấy được lời khai về tài sản chung do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích và có nơi cư trú cuối cùng tại: Số 5 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và thuộc trường hợp đã bị tuyên bố mất tích. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà TTLH và ông TQH chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản xác minh tại Công an phường B, Tổ dân phố nơi bà TTLH, ông TQH cư trú thấy quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, ông TQH thường xuyên đánh đập bà TTLH do bà TTLH là trẻ mồ côi, không người thân thích bảo vệ. Khoảng từ năm 2018 ông TQH bỏ đi đâu, làm gì không ai biết. Bà TTLH đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tìm kiếm, đăng tin trên báo đài và có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông TQH mất tích. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã ra Quyết định tuyên bố ông TQH mất tích. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà TTLH và ông TQH là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà TTLH đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, bà không còn chút tình cảm gì với ông TQH nữa. Mặt khác ông TQH đã bỏ đi mất tích chứng tỏ ông

TQH không còn tình cảm gì với bà TTLH, bỏ mặc bà TTLH muốn sống ra sao thì sống. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTLH là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho bà TTLH sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, không công nhận bà TTLH và ông TQH là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà TTLH và ông TQH có hai con chung là D, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1992 và E, sinh năm 1997 (đã chết năm 2015). Do con D đã trưởng thành có gia đình và thu nhập riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn ông TQH đã bị tuyên bố mất tích nên chưa lấy được ý kiến về tài sản chung vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà TTLH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà TTLH và ông TQH là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà TTLH và ông TQH có hai con chung là D, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1992 và E, sinh năm 1997 (đã chết năm 2015). Do con D đã trưởng thành có gia đình và thu nhập riêng nên bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Bà TTLH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Bà TTLH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009640, ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà TTLH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương